

Bản án số: 41/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 12 - 2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lương Thanh Chín.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đoàn Văn Tám;
- Ông Phạm Văn Trinh.

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Huyền Anh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024, về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/11/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29/11/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ A, Khu phố E, phường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: ông Trần Văn H1, sinh năm 1963;

Hộ chiếu: A 25142270, ngày cấp 09/01/2002, cấp tại Mỹ;

Quốc tịch: Việt Nam;

Địa chỉ: A SE Flavel Drive P, USA.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/01/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lê Thị Ngọc H trình bày:

Năm 2001, bà Lê Thị Ngọc H quen biết, tìm hiểu ông Trần Văn H1 và đăng ký kết hôn với ông Trần Văn H1 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 156, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp ngày 20/9/2002.

Bà Lê Thị Ngọc H và ông Trần Văn H1 chỉ quen biết, tìm hiểu nhau một thời gian ngắn thì đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, ông Trần Văn H1 sống tại Việt Nam khoảng 1 tháng. Sau đó ông Trần Văn H1 trở về Hoa Kỳ sinh sống còn bà H sống tại Việt Nam. Vợ chồng thỉnh thoảng liên lạc với nhau nhưng từ năm 2013 đến nay, bà H và ông H1 không liên lạc với nhau. Đến nay tình cảm giữa bà H và ông H1 ngày càng phai nhạt, hết yêu thương nhau, không còn muốn tiếp tục chung sống với nhau. Hiện nay, bà H sống tại Việt Nam còn ông H1 sống tại Hoa Kỳ. Bà Lê Thị Ngọc H xác định tình cảm với ông Trần Văn H1 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn H1.

Về con chung và tài sản chung cũng như nợ chung bà Lê Thị Ngọc H xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết

Ông Trần Văn H1 vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý vụ án, vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày, không nộp tài liệu, chứng cứ.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý, tổng đạt các văn bản tố tụng, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng khác đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa bà Lê Thị Ngọc H và ông Trần Văn H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, đủ điều kiện để chấp thuận cho ly hôn, đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: căn cứ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc H, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do ông Trần Văn H1 hiện đang sinh sống và làm việc tại Hoa Kỳ nên thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: bà Lê Thị Ngọc H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt, ông Trần Văn H1 đã được Tòa án thông báo hợp lệ thời gian mở phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 228, điểm c khoản 6 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà Lê Thị Ngọc H, ông Trần Văn H1.

[3] Về nội dung tranh chấp ly hôn: bà Lê Thị Ngọc H và ông Trần Văn H1 tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, được Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 156, quyền số 01, ngày 20/9/2002.

Sau khi kết hôn, ông Trần Văn H1 sống tại Việt Nam khoảng 1 tháng thì ông Trần Văn H1 trở về Hoa Kỳ sinh sống còn bà H sống tại Việt Nam. Vợ chồng thỉnh thoảng liên lạc với nhau nhưng từ năm 2013 đến nay, bà H và ông H1 không liên lạc với nhau.

Xét thấy, nguyên đơn khai về tình trạng hôn nhân của vợ chồng không còn chung sống từ năm 2013 đến nay. Như vậy, hôn nhân của bà Lê Thị Ngọc H, ông Trần Văn H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đủ điều kiện để giải quyết cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về án phí: bà Lê Thị Ngọc H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:**Căn cứ vào:**

- Khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 37; khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 238, Điều 235, Điều 266, Điều 273, Điều 469; điểm c khoản 6 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc H.

Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị Ngọc H ly hôn với ông Trần Văn H1.

2. Về án phí: bà Lê Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000163 ngày 26/02/2024.

3. Quyền kháng cáo: đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Thời hạn kháng cáo đối với đương sự ở nước ngoài được xác định theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- UBND tỉnh Bình Thuận;
- Lưu: Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thanh Chín